

# NỘI DUNG LÝ THUYẾT BÀI 31 : VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI, DU LỊCH

## I. Thương mại

### 1. Nội thương

- Cả nước đã hình thành thị trường thống nhất, hàng hóa phong phú đa dạng.
- Thu hút được sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế
- Cơ cấu mức bán l3 hàng hóa và doanh thu dịch vụ phân theo thành phần kinh tế có sự thay đổi theo hướng tích cực:
  - +Khu vực nhà nước giảm.
  - +Khu vực ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng.

### 2. Ngoại thương

- Có sự chuyển biến tích cực: Trước đổi mới nước ta là một nước nhập siêu.Năm 1992, cán cân xuất nhập khẩu tiến tới sự cân đối.Từ 1993 đến nay nước ta tiếp tục nhập siêu nhưng bản chất khác trước đổi mới.
- Nhờ thị trường mở rộng và đa dạng hoá nên kim ngạch xuất nhập khẩu của nước ta liên tục tăng.

#### \***Xuất khẩu:**

- Kim ngạch xuất khẩu tăng liên tục.
- Hàng xuất khẩu chủ yếu là khoáng sản, công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp, nông-lâm-thủy sản.
- Tỉ trọng hàng chế biến hay tinh chế còn thấp và tăng chậm.
- Hàng gia công lớn, giá thành sản phẩm còn cao và phụ thuộc vào nguyên liệu ngoại nhập.
- Thị trường mở rộng: Hoa Kỳ, Nhật Bản ,Trung Quốc.

#### \* **Nhập khẩu:**

- Kim ngạch nhập khẩu tăng khá nhanh, điều đó phản ánh sự phục hồi và phát triển của sản xuất, nhu cầu tiêu dùng và đáp ứng yêu cầu của sản xuất.
- Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là tư liệu sản xuất, nguyên liệu và một ít hàng tiêu dùng.
- Thị trường chủ yếu là châu Á Thái Bình Dương và Châu Âu.

## II. Du lịch

### 1. Tài nguyên du lịch

\* Khái niệm: Là cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử, di tích cách mạng, các giá trị nhân văn, công trình lao động sáng tạo của con người có thể được sử dụng nhằm thỏa mãn nhu cầu du lịch.

-Phong phú đa dạng gồm hai nhóm: tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn ( hình 31.4 SGK)

+**Tài nguyên du lịch tự nhiên:**Địa hình caxtơ với 200 hang động đẹp: Vịnh Hạ Long, động Phong Nha (được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới lần lượt vào năm 1994 và 2003), Tam Cốc Bích Động, Sơn Đoòng, cụm hang động ở Tràng An, động Hương Tích...Ven biển có 125 bãi biển, nhiều bãi biển dài và đẹp. Các đảo ven bờ có khả năng phát triển du lịch.

Khí hậu: Tương đối thuận lợi để phát triển du lịch.

Nguồn nước: các hồ tự nhiên, sông ngòi chằng chịt ở vùng sông nước ĐBSCL, các thác nước. Nguồn nước khoáng tự nhiên có giá trị đặc biệt đối với phát triển du lịch.

Sinh vật: nước ta có 28 Vườn Quốc Gia, 44 khu bảo tồn thiên nhiên, 34 khu rừng văn hoá, lịch sử, môi trường là cơ sở phát triển du lịch sinh thái.

**+Tài nguyên du lịch nhân văn:**Nước ta có 5 di sản vật thể được UNESCO công nhận là: Cố đô Huế (12-1993), Phố cổ Hội An và Thánh địa Mỹ Sơn (đều được công nhận vào tháng 12-1999), Hoàng thành Thăng Long(công nhận năm 2010) và Thành nhà Hồ ( công nhận năm 2011).Các lễ hội văn hoá của dân tộc đa dạng: lễ hội chùa Hương... trong đó nước ta đã được UNESCO công nhận 12 di sản phi vật thể ( như Nhã nhạc cung đình Huế và công chiêng Tây Nguyên, hát xoan, hát bài chòi, đờn ca tài tử Nam Bộ, phong tục thờ Mẫu.....). Các làng nghề truyền thống....

## 2. Tình hình phát triển và phân bố du lịch theo lãnh thổ

-Ngành du lịch nước ta ra đời năm 1960 khi Công ty du Việt Nam thành lập 7-1960. Tuy nhiên mới phát triển mạnh từ 1990 đến nay do chính sách đổi mới.

Số lượt khách du lịch và doanh thu ngày càng tăng nhanh.

-Cả nước hình thành 3 vùng du lịch: Bắc Bộ (28 tỉnh-thành), Bắc Trung Bộ (6 tỉnh), Nam Trung Bộ và Nam Bộ (29 tỉnh - thành).

-Tam giác tăng trưởng du lịch: Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh, TPHCM – Nha Trang - Đà Lạt

-Các trung tâm du lịch lớn nhất gồm : Hà Nội, TPHCM, Huế-Đà Nẵng, ngoài ra còn có các trung tâm du lịch quan trọng khác như Hạ Long, Đà Lạt, Cần Thơ, Vũng Tàu, Nha Trang...

## Trắc nghiệm

### Câu 1: Cho bảng số liệu

#### CƠ CẤU KHÁCH QUỐC TẾ ĐẾN VIỆT NAM PHÂN THEO PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN NĂM 2005 và 2014 (Đơn vị: %)

Năm	2005	2014
Đường hàng không	67,1	78,1
Đường thuỷ	5,8	1,7
Đường bộ	27,1	20,2

Biểu đồ nào thể hiện thích hợp nhất cơ cấu khách quốc tế đến Việt Nam phân theo phương tiện vận chuyển năm 2005 và 2014?

- A. Biểu đồ kết hợp.
- B. Biểu đồ cột.
- C. Biểu đồ đường.
- D. Biểu đồ tròn.

### Câu 2: Tài nguyên du lịch tự nhiên bao gồm

- A. khí hậu, nước, sinh vật, lễ hội.
- B. địa hình, sinh vật, làng nghề, ẩm thực.
- C. địa hình, khí hậu, nước, sinh vật.
- D. địa hình, di tích, lễ hội, sinh vật.

### Câu 3: Tài nguyên du lịch nhân văn bao gồm

- A. khí hậu, nước, sinh vật, lễ hội.
- B. di tích, lễ hội, làng nghề, ẩm thực.
- C. địa hình, khí hậu, nước, sinh vật.
- D. địa hình, di tích, lễ hội, sinh vật.

**Câu 4: Cho bảng số liệu sau**

**GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2000 - 2014 (Đơn vị: tỉ USD)**

Năm	2000	2005	2006	2007	2008	2014
Xuất khẩu	14,5	32,4	39,8	48,6	62,7	150,0
Nhập khẩu	15,6	36,8	44,9	62,8	80,7	147,8
Tổng	30,1	69,2	84,7	111,4	143,4	297,8

**Giải thích tại sao giá trị xuất nhập khẩu tăng rất nhanh từ sau năm 2000?**

- A. Mỹ đã xoá bỏ cấm vận đối với Việt Nam.
- B. Việt Nam bắt đầu mở cửa quan hệ với các nước.
- C. Việt Nam đã gia nhập tổ chức Thương mại thế giới.
- D. Việt Nam đã gia nhập Hiệp hội các nước Đông Nam Á.

**Câu 5: Cho bảng số liệu**

**CƠ CẤU HÀNH KHÁCH VẬN CHUYỂN PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ**

(Đơn vị: %)

Năm	2005	2013
Nhà nước	22	0,6
Ngoài Nhà nước	77	82,4
Có vốn đầu tư nước ngoài	1	0,6

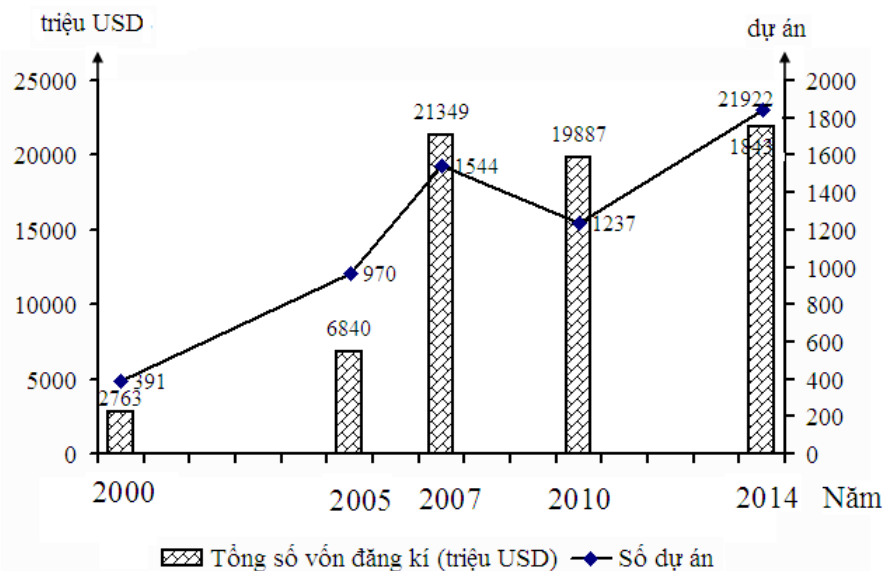
Hãy cho biết nhận xét nào sau đây *không đúng* với các biểu đồ trên?

- A. Giảm tỉ trọng hành khách vận chuyển ở ở thành phần kinh tế Nhà nước.
- B. Tăng tỉ trọng hành khách vận chuyển ở ở thành phần kinh tế ngoài Nhà nước.
- C. Cơ cấu hành khách vận chuyển phân theo thành phần kinh tế ít có sự thay đổi.
- D. Hành khách vận chuyển ở khu vực có vốn đầu tư nước ngoài có tỉ trọng rất nhỏ.

**Câu 6: Hoạt động du lịch biển của các tỉnh phía Nam có thể diễn ra quanh năm vì**

- A. giá cả hợp lý.
- B. nhiều bãi biển đẹp.
- C. không có mùa đông lạnh.
- D. cơ sở lưu trú tốt.

**Câu 7: Cho biểu đồ**



**ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP THỜI KÌ 2000 - 2014**

Hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Tổng số vốn đăng ký và số dự án tăng ổn định.
- B. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Việt Nam tăng không ổn định.
- C. Tổng số vốn đăng ký tăng chậm hơn số dự án.
- D. Quy mô của các dự án giảm mạnh đến năm 2010, sau đó lại tăng.

**Câu 8: Dựa vào Atlas trang 24, hãy cho biết thị trường xuất khẩu lớn nhất của nước ta hiện nay là các quốc gia nào sau đây?**

- A. Ấn Độ, Nhật Bản, Canada.
- B. Liên Bang Nga, Pháp, Hoa Kỳ.
- C. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc.
- D. Singapor, Ba Lan, Hàn Quốc.

**Câu 9: Nhân tố nào sau đây được cho là quan trọng nhất thúc đẩy du lịch nước ta phát triển?**

- A. Tình hình chính trị ổn định.
- B. Tài nguyên du lịch phong phú.
- C. Đời sống nhân dân được nâng cao.
- D. Chất lượng phục vụ ngày càng tốt.

**Câu 10: Cho bảng số liệu**

**QUY MÔ VÀ CƠ CẤU SỐ KHÁCH DU LỊCH QUỐC TẾ ĐẾN VIỆT NAM PHÂN THEO PHƯƠNG TIỆN ĐẾN TRONG GIAI ĐOẠN 2000 – 2014**

Loại hình	Năm 2000	Năm 2014
Tổng số khách (nghìn lượt)	2140,1	7959,9
Đường hàng không (%)	52,0	78,1
Đường thủy (%)	12,0	1,7
Đường bộ (%)	36,0	20,2

Căn cứ vào bảng số liệu, hãy cho biết nhận xét nào dưới đây *không đúng* về số lượt khách quốc tế và cơ cấu của nó phân theo phương tiện đến Việt Nam trong giai đoạn 2000 – 2014?

- A. Tổng số khách quốc tế tăng 3,7 lần.
- B. Đường hàng không đóng vai trò chủ đạo, tỉ trọng có xu hướng tăng nhanh.

C. Đường thuỷ luôn chiếm tỉ trọng thấp nhất và có xu hướng giảm nhanh.

D. Đường bộ có xu hướng tăng nhanh về tỉ trọng.

**Câu 11: Dựa vào biểu đồ xuất nhập khẩu hàng hoá qua các năm (Atlas trang 24), năm 2007 nước ta nhập siêu là bao nhiêu tỉ USD?**

A. 5,2 tỉ USD.

B. 10,2 tỉ USD.

C. 14,2 tỉ USD.

D. 15,2 tỉ USD.

**Câu 12: Ý nào sau đây không đúng khi nói về phong trào người Việt dùng hàng Việt có ý nghĩa**

A. thúc đẩy các ngành sản xuất trong nước phát triển.

B. giảm sự phụ thuộc vào hàng nhập khẩu.

C. thay đổi thói quen sành hàng ngoại nhập.

D. tăng tổng mức bán lẻ hàng hoá.

**Câu 13: Ngành du lịch thật sự phát triển từ sau năm 1990 cho đến nay là nhờ**

A. nước ta giàu tiềm năng phát triển du lịch.

B. quy hoạch các vùng du lịch.

C. phát triển các điểm du lịch.

D. chính sách Đổi mới của Nhà nước.

**Câu 14: Căn cứ vào Atlas trang 24, hãy cho biết ở Tây Nguyên, tỉnh có tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo đầu người dưới 4 triệu đồng/người là**

A. Kon Tum

B. Lâm Đồng.

C. Gia Lai.

D. Đắk Nông.

**Câu 15: Một số bãi biển nổi tiếng ở Bắc Trung Bộ là**

A. Cát Bà, Đồ Sơn, Trà Cổ, Non Nước.

B. Cửa Lò, Thiên Cầm, Đá Nhảy, Lăng Cô.

C. Mỹ Khê, Sa Huỳnh, Quy Nhơn, Vân Phong.

D. Nha Trang, Phan Rang, Mũi Né, Đá Nhảy.

**Câu 16 : Vùng bờ biển tập trung nhiều bãi tắm đẹp có giá trị hàng đầu đối với hoạt động du lịch biển ở nước ta là**

A. đồng bằng sông Hồng.

B. Bắc Trung Bộ.

C. duyên hải Nam Trung Bộ.

D. Đông Nam Bộ.

**Câu 17: Sau Đổi mới, hoạt động buôn bán của nước ta ngày càng mở rộng theo hướng**

A. chú trọng vào thị trường Nga và Đông Âu.

B. chủ yếu tập trung vào thị trường Đông Nam Á.

C. đa dạng hoá, đa phương hoá thị trường.

D. chủ yếu tập trung vào thị trường Trung Quốc.

**Câu 18: Thị trường nhập khẩu chủ yếu của nước ta là**

A. Châu Á Thái Bình Dương và châu Âu.

B. Trung Quốc và các nước Đông Nam Á.

- C. Nhật Bản và Trung Quốc.  
D. các nước Đông Nam Á và Nhật Bản.

**Câu 19: Cho bảng số liệu**

**GIÁ TRỊ NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ TRONG GIAI ĐOẠN 2000 – 2014 (Đơn vị: triệu USD)**

Năm	2000	2014
Khu vực kinh tế trong nước	11284,5	63638,2
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	4352,0	84210,9
<b>Tổng</b>	<b>15636,5</b>	<b>147849,1</b>

Để thể hiện quy mô, cơ cấu kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của nước ta trong hai năm 2000 và 2014, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ miền.  
B. Biểu đồ tròn.  
C. Biểu đồ cột.  
D. Biểu đồ đường.

**Câu 20: Cho bảng số liệu**

**TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2000 – 2014**

Năm	2000	2005	2010	2012	2014
<b>Số dự án đăng ký (dự án)</b>	391	970	1237	1287	1843
<b>Tổng số vốn đăng ký (tỉ USD)</b>	2,8	6,8	19,9	16,4	21,9
<b>Vốn thực hiện (tỉ USD)</b>	2,4	3,3	11,0	10,0	12,5

Căn cứ vào bảng số liệu, hãy cho biết nhận xét nào dưới đây đúng về tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong giai đoạn 2000 – 2014?

- A. Số dự án đăng ký tăng hơn 5 lần.  
B. Quy mô số vốn thực hiện có xu hướng tăng nhưng không ổn định.  
C. Tỷ lệ vốn thực hiện luôn đạt khoảng 90% so với vốn đăng ký.  
D. Tổng số vốn đăng ký và vốn thực hiện tăng liên tục.

**Câu 21: Hai di sản thiên nhiên thế giới ở Việt Nam là**

- A. vườn quốc gia Cúc Phương và đảo Cát Bà.  
B. vịnh Hạ Long và quần thể Phong Nha – Kẻ Bàng.  
C. phố cổ Hội An và di tích Mỹ Sơn.  
D. bãi đá cổ Sa Pa và thành nhà Hồ,

**Câu 22: Cho bảng số liệu**

**KIM NGẠCH XUẤT NHẬP KHẨU Ở NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN 2000 – 2014 (Đơn vị: triệu USD)**

Năm	Tổng số	Xuất khẩu	Nhập khẩu
<b>2000</b>	30 119,2	14 482,7	15 636,5
<b>2014</b>	298 066,2	150 217,1	147 849,1

Để thể hiện quy mô tổng kim ngạch xuất – nhập khẩu ở nước ta trong hai năm 2000 và 2014 thì bán kính hình tròn thể hiện năm 2014 gấp khoảng mấy lần so với năm 2000?

- A. 9,9 lần.  
B. 6,9 lần.

C. 3,1 lần.

D. 1,3 lần.

**Câu 23: Căn cứ vào Atlas trang 25, hãy xác định các trung tâm du lịch có ý nghĩa quốc gia là**

A. Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, Tp. Hồ Chí Minh.

B. Lạng Sơn, Hạ Long, Hải Phòng, Vinh

C. Quy Nhơn, Đà Lạt, Nha Trang, Buôn Ma Thuột.

D. Cần thơ, Phú Quốc, Cà Mau, Tây Ninh.

**Câu 24: Cho bảng số liệu**

**TÌNH HÌNH XUẤT – NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2000 – 2014**

(Đơn vị: triệu USD)

Năm	2000	2005	2010	2014
Giá trị xuất khẩu	14,5	32,4	72,2	150,2
Giá trị nhập khẩu	15,6	36,8	84,8	147,8
Cán cân xuất-nhập khẩu	- 1,1	- 4,4	- 12,6	2,4

Cho biết nhận xét nào dưới đây không đúng về tình hình xuất-nhập khẩu ở nước ta trong giai đoạn 2000 – 2014?

A. Giá trị nhập khẩu tăng nhanh và liên tục.

B. Giá trị xuất khẩu tăng nhanh và liên tục.

C. Năm 2000, 2005, 2010 nước ta luôn trong tình trạng nhập siêu.

D. Giá trị nhập khẩu luôn cao hơn giá trị xuất khẩu.

**Câu 25: Cho bảng số liệu**

**QUY MÔ VÀ CƠ CẤU GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU HÀNG HOÁ  
PHÂN THEO NHÓM HÀNG Ở NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN 2000 – 2014**

Mặt hàng	2000	2005	2010	2012	2014
Quy mô (triệu USD)	14 482,7	32 447,1	72 236,7	114 529,2	150 217,1
<b>Cơ cấu (%)</b>					
- Hàng CN nặng và khoáng sản	37,2	36,1	31,0	42,1	44,0
- Hàng CN nhẹ và tiểu thủ CN	33,9	41,0	46,1	37,8	39,3
- Hàng nông - lâm - thủy sản	28,9	22,7	22,9	20,1	16,7

Theo bảng số liệu trên, cho biết nhận xét nào sau đây *không đúng* về quy mô và cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hoá phân theo nhóm hàng ở nước ta trong giai đoạn 2000 – 2014?

A. Tổng giá trị xuất khẩu hàng hoá tăng nhanh và liên tục.

B. Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản có tỉ trọng tăng 6,8%.

C. Hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp có tỉ trọng tăng liên tục.

D. Hàng nông-lâm-thủy sản luôn chiếm tỉ trọng thấp nhất và có xu hướng giảm.